TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm.**

2/ Bà **Tạ Thị Nhuần.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị Hồng N1**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 06/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu P thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L ngày 27/6/2016. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh

phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh P, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu P. Về con chung, thời gian chị và anh P sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2023 anh Nguyễn Hữu P trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Đặng Thị Hồng N1 về thời gian thành hôn, thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian sống chung, vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị N1. Về con chung, anh đồng ý để chị N1 tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016. Anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2023 ông Nguyễn Văn U cha ruột của anh Nguyễn Hữu P trình bày: Thời gian vợ chồng chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P sống chung, vợ chồng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nên ông không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Về con chung của chị chị N1 và anh P là cháu Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 hiện đang sống chung với chị N1, cháu được chị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đảm bảo, cháu phát triển tốt, học hành đầy đủ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Đặng Thị Hồng N1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hồng N1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L ngày 27/6/2016 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không lý do và anh P

có ý kiến trình bày thống nhất ly hôn với chị N1. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng N1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 hiện đang sống chung với chị N1, chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh P cũng đồng ý giao con cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N2 từ trước nay sống chung với chị N1, cháu được chị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, cháu được học hành đầy đủ, việc này ông U (cha ruột anh P) và anh P cũng xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để ổn định cuộc sống của cháu N2 nên cần giao con chung là Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Đặng Thị Hồng N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Đặng Thị Hồng N1 là người đang trực tiếp nuôi con, tại đơn khởi kiện chị N1 có yêu cầu anh Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng chị N1 đã rút yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Hữu P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hồng N1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị Hồng N1 được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tiểu N2, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Đặng Thị Hồng N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị Hồng N1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004037 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị N1 đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 59 ngày 27/6/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga